TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/KDTM-ST
Ngày: 08-09-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Sơn Tây;

2. Ông Nguyễn Thanh Cần.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Trường Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh, thương mại thụ lý số 91/2025/TLST-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH N1; địa chỉ: 3 L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị Đặng Kim N; chức vụ: Tổng Giám đốc; địa chỉ liên hệ: 351/22 L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo pháp luật. Xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH N2; địa chỉ: A H, tổ A, khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trịnh Hữu D, sinh năm 1981; chức vụ: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc; địa chỉ liên lạc: khu phố K, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 4 năm 2025, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Tại hợp đồng mua bán số 127/24 ngày 03/12/2024, Công ty TNHH N2 (bên bán) và Công ty TNHH N3 (bên mua) thỏa thuận mua bán khung gỗ keo; phương thức thanh toán đợt 1 đặt cọc 50% giá trị hợp đồng tương đương 20.500.020 đồng, đợt 2 hoàn tất 50% giá trị còn lại là 20.500.020 đồng; thời gian giao hàng 30 ngày kể từ ngày đặt cọc, hàng được giao 1 lần tại kho Bên A (bên bán) - X. Thực hiện hợp đồng trên, nguyên đơn đặt cọc 20.500.020 đồng cho bị đơn vào ngày 13/12/2024 và ngày 16/12/2024. Tuy nhiên, bị đơn không thực hiện việc giao hàng theo hợp đồng, cũng không hoàn trả tiền đặt cọc, vi phạm nghĩa vụ đã thỏa thuận nên nguyên đơn yêu cầu:

+ Buộc Công ty TNHH N2 hoàn trả tiền đặt cọc cho Công ty TNHH N1 số tiền 20.500.020 đồng;

+ Buộc Công ty TNHH N2 phải chịu tiền phạt cọc với số tiền 20.500.020 đồng;

+ Buộc Công ty TNHH N2 bồi thường chi phí phát sinh hợp lý và tổn thất tinh thần do hành vi vi phạm nghĩa vụ với số tiền là 25.000.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 25.000.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, chứng cứ gửi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 25.000.000 đồng nên đề nnghị đình chỉ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Công ty TNHH N3 Décor khởi kiện Công ty TNHH N2 liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa nên quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng

mua bán hàng hóa" được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty TNHH N2 có trụ sở tại phường T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy: Hợp đồng mua bán số: HĐ 127/24 ngày 03 tháng 12 năm 2024, hai bên tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng, không vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội nên có hiệu lực.

[4] Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã đặt cọc 50% giá trị hợp đồng cho bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không thực hiện hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại tiền đặt cọc và phạt cọc là có căn cứ chấp nhận.

[5] Nguyên đơn rút yêu cầu bồi thường chi phí phát sinh hợp lý và tổn thất tinh thần do hành vi vi phạm nghĩa vụ với số tiền là 25.000.000 đồng nên Tòa án đình chỉ giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217; Điều 227; Điều 228, Điều 238, Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 50, Điều 55, Điều 301 của Luật Thương mại.

Căn cứ Điều 328, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm Phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N1 đối với Công ty TNHH N2 về yêu cầu bồi thường thiệt hại.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N1 đối với Công ty TNHH N2 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản cụ thể như sau:

Công ty TNHH N2 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH N3 Décor 41.000.040 đồng (Bốn mươi mốt triệu không trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Công ty TNHH N2 phải chịu án phí sơ thẩm là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

2.2. Công ty TNHH N1 không phải chịu án phí sơ thẩm được hoàn trả 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002693 ngày 27/5/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm